TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1278/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 11 - 2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Phạm Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Kim H, sinh năm 1970
Địa chỉ: 105/9/4 H, phường Ph, quận T, Thành phố H (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Mẫn T, sinh năm 1966
Địa chỉ: 105/9/4 H, phường Ph, quận T, thành phố H (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Tạ Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Trần Mẫn T tự nguyện chung sống với nhau năm 1988 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số I ngày 19/7/1988 của Ủy ban nhân dân Phường 0, Quận 0, thành phố H.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T thường xuyên say xỉn về nhà đánh đập bà. Ngoài ra ông T còn hay ghen tuông vô cớ. Bà và ông T sống ly thân đã hai năm nay. Đôi bên đã cố gắng hàn gắn

tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H xác nhận có hai con chung tên Trần Mẫn T, sinh ngày 09/02/1989 và Trần Mẫn D, sinh ngày 19/11/1990. Do con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Trần Mẫn T vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại các buổi hòa giải. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử:

Bà Tạ Thị Kim H và ông Trần Mẫn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường , Quận , Thành phố H (Giấy đăng ký kết hôn số 104, quyển số I, ngày 19/7/1988). Vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, ông T thường nhậu say về vô cớ đánh bà H, cả hai sống ly thân đã hai năm nay.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số I ngày 19/7/1988 của Ủy ban nhân dân Phường , Quận , thành phố H cho bà Tạ Thị Kim H và ông Trần Mẫn T thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hôn

nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông Trần Mẫn T có nơi cư trú tại quận T, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân quận T thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông Trần Mẫn T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét bà Tạ Thị Kim H yêu cầu ly hôn với ông Trần Mẫn T

Theo lời trình bày của bà H trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông T thường xuyên say xỉn về nhà đánh đập bà. Ngoài ra ông T còn hay ghen tuông vô cố. Bà và ông T sống ly thân đã hai năm nay. Đôi bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà H xác định có hai con chung tên Trần Mẫn T, sinh ngày 09/02/1989 và Trần Mẫn D, sinh ngày 19/11/1990. Do con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Tạ Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Kim H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Kim H được ly hôn với ông Trần Mẫn T. Quan hệ hôn nhân của bà Tạ Thị Kim H và ông Trần Mẫn T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số I của Ủy ban nhân dân Phường , Quận , thành phố H cấp ngày 19/7/1988) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, bà H không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Tạ Thị Kim H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010957 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Tạ Thị Kim H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Trần Mẫn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân P., Q., TP.H.
- Lưu VP, hồ sơ (Hạnh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm